

William Jang

Thái Ngô & Trịnh Xuân Phương dịch

**PERFECT
IELTS
LISTENING
DICTATION** Vol.2



PERFECT IELTS LISTENING – DICTATION VOLUME 2

By William Jang

Copyright © 2017 William Jang

All rights reserved

Vietnamese language copyright © 2019 ALPHA BOOKS CO.

Vietnamese language edition arranged with BOOK BLOSSOM
through Eric Yang Agency Inc.

PERFECT IELTS LISTENING – DICTATION VOLUME 2

Bản quyền tiếng Việt © Công ty Cổ phần Sách Alpha, 2019

Không phần nào trong xuất bản phẩm này được phép sao chép
hay phát hành dưới bất kỳ hình thức hoặc phương tiện nào mà không có sự cho phép trước bằng văn
bản của Công ty Cổ phần Sách Alpha.

Chúng tôi luôn mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp của quý vị độc giả để sách ngày
càng hoàn thiện hơn.

Góp ý về sách, liên hệ về bản thảo và bản dịch: publication@alphabooks.vn

Liên hệ hợp tác về nội dung số: ebook@alphabooks.vn

Liên hệ hợp tác xuất bản & truyền thông trên sách: project@alphabooks.vn

Liên hệ dịch vụ tư vấn, đại diện & giao dịch bản quyền: copyright@alphabooks.vn

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Jang, William

Perfect IELTS Listening Dictation / William Jang ; Dịch: Thái Ngô, Trịnh Xuân Phương. -

H. : Thế giới ; Công ty Sách Alpha. - 24cm

Vol.2. - 2019. - 426tr.

ISBN 9786047767311

1. Tiếng Anh 2. Chính tả 3. IELTS

428.13 - dc23

TGF0303p-CIP

Khởi đầu và kết thúc bài thi IELTS LISTENING với DICTATION!

Ngay sau khi xuất bản, **Perfect IELTS** đã lập tức trở thành loạt sách luyện thi IELTS bán chạy số một tại Hàn Quốc trong suốt nhiều năm. Đây thực sự là những cuốn sách gối đầu giường không thể thiếu của người học IELTS. Trong quá trình biên soạn, yếu tố mà chúng tôi luôn đặt lên hàng đầu là làm sao để có thể cải thiện năng lực ngôn ngữ cũng như điểm số của người học trong quá trình chinh phục bài thi đầy thử thách này. **Perfect IELTS Listening Dictation VOL.1** và **VOL.2** đã được ra đời từ chính niềm trăn trở đó.

Có thể dạng đề yêu cầu thí sinh nghe và điền địa chỉ, tên người hoặc chữ số còn khá xa lạ với người học nhưng chúng lại rất thường xuyên xuất hiện trong bài thi Nghe, thậm chí nó còn chiếm tới 60% tổng số câu hỏi. Nếu xét 6 dạng đề có trong bài thi IELTS Listening, ngoại trừ Multichoice và Matching thì 4 dạng đề còn lại đều yêu cầu thí sinh nghe và viết lại. Như vậy, có thể thấy kỹ năng Dictation (chép chính tả) đóng vai trò quan trọng như thế nào đối với điểm số bài thi của bạn. Tuy nhiên, hiện nay rất khó tìm trên thị trường những cuốn sách hoặc các tài liệu giúp người học luyện kỹ năng Dictation hiệu quả. **IELTS Listening Dictation** ra đời nhằm mục đích lấp vào khoảng trống đó và giúp người đọc có thể chuẩn bị tốt nhất cho kỳ thi đặc biệt quan trọng này.

Perfect IELTS Listening Dictation tập trung vào việc giải quyết ba trong số những vấn đề “khó nhằn” nhất trong bài thi IELTS Listening. Thứ nhất là chinh phục những từ và chữ số đặc thù có thể xuất hiện trong đề thi mà trước đó người học chưa từng gặp. Thứ hai là nắm vững từ vựng chuyên ngành của các chủ đề sẽ xuất hiện trong từng phần của bài thi. Và cuối cùng là chuẩn bị kỹ lưỡng nhất có thể cho hình thức thi mới là ghi lại chính xác các từ được phát âm. Với **Perfect IELTS Listening Dictation VOL.1** và **VOL.2**, chúng tôi tin chắc rằng các bạn có thể chinh phục kỹ năng Dictation trong thời gian ngắn nhất với hiệu quả tốt nhất để sẵn sàng cho bài thi vốn tốn nhiều thời gian và rất khó nâng điểm này.

Nếu muốn đạt điểm cao, hãy nắm vững những từ vựng theo chủ đề thường xuất hiện trong bài thi IELTS!

Do vốn từ vựng còn hạn chế, cũng như chưa có sự chuẩn bị cho tất cả dạng câu hỏi nên những thí sinh ít cọ sát với kỳ thi thực tế thường mắc lỗi hoặc đưa

ra những đáp án sai. Không những thế, vì bài thi IELTS Listening sẽ xuất hiện cả giọng Anh-Anh và Anh-Úc, nếu thí sinh không quen với cách phát âm đó cũng sẽ rất dễ mắc lỗi. Bí quyết để khắc phục những khó khăn này và đạt điểm cao là hãy học từ vựng thuộc những chủ đề thường gặp nhất trong IELTS Listening, các từ vựng chuyên dụng và từ vựng thiết yếu. Nếu không muốn tốn quá nhiều thời gian ôn luyện IELTS, lựa chọn đúng đắn của bạn là hãy học theo các dạng đề được hệ thống hóa trong **Perfect IELTS Listening Dictation**.

Trong cuốn sách **Perfect IELTS Listening Dictation VOL. 2** – Từ thiết yếu, chúng tôi đã tổng hợp và phân tích tỉ mỉ 3.200 câu hỏi, cũng như đáp án của dạng Dictation đã xuất hiện trong đề thi IELTS Listening trong 10 năm trở lại đây để qua đó, người học có thể nâng cao vốn từ vựng của mình. Ngoài ra, tất cả câu hỏi đều được thiết kế để có thể vận dụng linh hoạt trong các bài thi IELTS Writing, Listening và Reading.

Đây chính là bộ giáo trình mà tôi đã dồn hết tâm trí để truyền đạt rõ ràng nhất những dữ liệu của bài thi IELTS mà tôi tích góp được từ thực tế hơn 10 năm qua, kết hợp với những kiến thức của chính bản thân. Tôi tin rằng kết quả bài thi IELTS của các bạn chính là tấm gương phản chiếu chân thực nhất những nỗ lực không mệt mỏi của tôi và các cộng sự. Hi vọng cuốn sách bạn đang cầm trên tay lúc này chính là điểm khởi đầu cho thành công và tương lai tươi sáng của các bạn sau này.

William Jang

Hai cuốn **Perfect IELTS Listening Dictation Vol. 2** và **Perfect IELTS Listening Dictation Vol. 1** có sự khác biệt về nội dung. Vol.1 cung cấp nhiều kiến thức đa dạng về văn hóa nhằm giúp người đọc có thể hình thành các đoạn đối thoại luyện thi Nói. Trong khi đó, với Vol.2, người học có thể kết hợp luyện thi Viết và Đọc nhờ phần từ vựng được sắp xếp theo các chủ đề thường xuất hiện trong bài thi IELTS. Do đó, người học có thể nắm được phần lớn từ vựng thiết yếu một cách tự nhiên thông qua các bài tập Dictation.

Perfect IELTS Listening Dictation Vol. 2 gồm 4 section. Mỗi section được chia thành 80 chủ đề, mỗi chủ đề có 10 câu và người học cần hoàn thành 800 câu trong section. Với tổng cộng 3.200 câu trong 4 section theo các chủ đề phổ biến, người học hoàn toàn có thể tự ôn luyện và tra đổi vốn từ vựng cần thiết trong bài thi IELTS.



Giải thích Listening Section 1

Section 1 là phần dễ đi nhất trong bốn phần thi của IELTS Listening, vì vậy nên các quyết định nhân viên dễ dàng tốt. Nội dung bài nghe thường là cuộc trò chuyện giữa hai người về các tình huống trong cuộc sống hàng ngày, chẳng hạn như chi trả hoặc thuê phòng trọ, tìm kiếm việc làm, hoặc đặt mua hàng để phục vụ kinh doanh. Thông tin cần điền vào worksheet các thông tin cá nhân như tên, tuổi, địa chỉ, ngày sinh, thời gian, và ngày sẽ thông tin khác là thông tin trong phần bài, độ khó không cao. Vì đây là phần cơ bản của đề thi nên người học cần nắm vững để tránh mắc sai lầm.

Phân tích hình thức trình bày

Đặt lịch
 Dạng bài nghe phổ biến nhất trong Section 1 là đặt phòng khách sạn hoặc tư vấn, đặt mua vé máy bay, mua sắm quần áo, hoặc đặt mua hàng để phục vụ kinh doanh. Đây có thể là tình huống hỏi mua hàng trực tiếp, cũng có thể là tình huống đặt phòng qua điện thoại, hỏi đáp thông tin của người đặt phòng, các sản phẩm hoặc dịch vụ mà họ cần, và người có thể tiếp nhận dịch vụ hay là người tham gia, và giờ sử dụng hoặc thời gian nhận phòng.

2. Đăng ký
 Các câu hỏi về quá trình tìm hiểu và đăng ký làm việc tại trung tâm thể thao, các khóa học khác nhau của trường học, hội thảo, các sản phẩm bảo hiểm cho công ty hoặc cho gia đình. Thông thường là tin thông tin chi tiết của cá nhân như tên, số điện thoại là địa chỉ, cũng có thể là số như đặt chỗ, dịch vụ thanh toán, giờ đăng ký hoặc... Bất thường sản phẩm theo báo hiệu, ...

3. Đơn đăng ký, kê khai hoặc đặt hàng
 Các câu hỏi về việc đăng ký các dịch vụ hoặc hành trình hàng hóa từ họ hàng, dịch vụ giao dịch hoặc dịch vụ vận chuyển, đặt mua hàng hóa hoặc dịch vụ của người bán hàng bán mua bán, bán các loại sản phẩm, hoặc biểu mẫu về dịch vụ hay sản phẩm. Đôi thường là câu hỏi về các sản phẩm bán kèm theo đơn đăng ký, chẳng hạn như thời gian nhận dịch vụ và thời gian nhận đơn đặt hàng, biên pháp giải quyết tiếp theo sau khi kê khai một cách cụ thể.

1 Extra-curricular activities

- 1 Most courses start in the other courses that start in the afternoon.
- 2 The name of the course she takes is food cooking.
- 3 The cooking course starts on the of every month.
- 4 Students are required to bring money for the food that they will need for the cooking class.
- 5 No courses are entitled "Painting", but there is still the
- 6 Students need to have their own for the painting class.
- 7 The name of the course is and they use this club for training classes.
- 8 It is necessary to spend as little as possible these days or else, you will run out of before the next payday.
- 9 Felpe didn't seem to anything unusual about her attitude this morning.
- 10 There are no parking spaces at the mall, but you can still park at the on the north side of the building.

SECTION 1

Các từ và câu có liên quan đến cuộc sống thường ngày như đặt phòng khách sạn hoặc dịch vụ, đăng ký khóa học, dịch vụ bảo hành hoặc tư vấn sản phẩm, hỗ trợ công việc hoặc phỏng vấn xin việc.

SECTION 2

Bao gồm 80 chủ đề liên quan đến việc hướng dẫn du lịch, giới thiệu và giải thích về các sản phẩm cùng dịch vụ khác nhau, giáo dục, hội thảo và cung cấp thông tin, vì vậy, người học có thể vừa học nghe các từ vựng thiết yếu, vừa học cách viết đoạn văn. Sau khi học kỹ năng chép chính tả, người học có thể áp dụng lỗi viết đó vào bài viết của mình để đạt được mức điểm như muốn.

SECTION 3

Người học có thể nâng cao vốn từ vựng thông qua các dạng bài như đối thoại về học tập, thảo luận hoặc đưa ra ý kiến trong nghiên cứu, nhận lời khuyên và tư vấn từ các giáo sư hoặc người có kinh nghiệm.

PREFACE 4

HOW TO USE THIS BOOK 6

IELTS LISTENING DICTATION SECTION 1

● **PRACTICES 14**

1. Extra-curricular activities / 2. Renting a house / 3. Advisory regarding an extracurricular student / 4. Fitness centre memberships / 5. Discussion about the meeting place / 6. Lifeguard application / 7. Wedding ceremony / 8. Insurance claim / 9. Horse centre programmes / 10. Jobs at a bookstore / 11. Inquiry about the surfing course / 12. Get ready for special holiday events on the Island / 13. Looking for jobs / 14. Driving instructor jobs / 15. Outdoor travel / 16. Farewell party / 17. Renting a house / 18. Mother telephones school to understand the situation / 19. A woman calls an art gallery to ask about an art competition / 20. Travelling in Vancouver / 21. Quotation for house insurance / 22. Movie club membership / 23. Science, music and multi-tasking / 24. Newspaper photo reprint / 25. Applying for a drama course / 26. Fitness consulting / 27. Toy library / 28. Lawson primary school in Manchester / 29. Inquiry about tour details / 30. Booking a trip to Brisbane / 31. A survey questionnaire on tourism / 32. Dormitory facilities / 33. Childcare centre / 34. A woman buying furniture / 35. Children's activity centre inquiry / 36. Rent accommodation / 37. Power moving company / 38. Application club course / 39. Introduction to the course and activities in the sailing club / 40. Eco-farm classes / 41. Sending a package / 42. Hotel facilities / 43. Returning a vacuum cleaner / 44. Swimming pool introduction / 45. Library consultation / 46. Accommodation inquiry at a travel agency / 47. Swimming lessons for different ages / 48. Wedding arrangement / 49. Airport survey / 50. Airline complaints / 51. Office space rental advertisement / 52. Gym membership for sister / 53. Office space for lease / 54. Fruit picking job / 55. Consultation of a driving class / 56. Finding a job / 57. Inquiry about map reading courses / 58. Renting a house / 59. Consultation rates / 60. Choosing a moving company / 61. Booking a hotel mid-tour / 62. Introduction to the Livingston Park / 63. Mary's gift list / 64. Finding part-time work / 65. Insurance claims / 66. Sharing accommodation / 67. Consulting a wellness centre for health / 68. Applying as a nanny / 69. Aiden wants to find a part-time job at an orchard / 70. Accommodation and activities for 3 days / 71. Booking a room at the Rainbow Hotel for a vacation / 72. Accommodations at Po Shan Park / 73. Introduction to a tourist attraction / 74. House repairs / 75. Setting up a company / 76. Survey questionnaire for north residents / 77. Children's activities / 78. Hot air balloon rides / 79. Job hunting at a Theme Park / 80. Theatre booking

● **ANSWERS & TRANSLATIONS 94**

IELTS LISTENING DICTATION SECTION 2

● **PRACTICES 118**

1. History and introduction to tourism / 2. Going camping / 3. Ski and snowboard exhibition / 4. Garbage classification / 5. Building a house / 6. Introduction to the park / 7. Preschool education / 8. Swimming lessons / 9. Gym map / 10. Company relocation / 11. Celebration of the International Day / 12. Tourist attraction / 13. Introduction to farming / 14. New guided walk program / 15. How to save fuel / 16. Volunteers' wildlife protection and organisation's introduction and activity arrangement / 17. Art gallery / 18. Children's chess club / 19. Hotels in America / 20. Holiday special ski / 21. Student orientation / 22. Fishing license / 23. Volunteering and travelling / 24. Australian zoo / 25. Introduction to ice-curling / 26. Cooking tour and classes / 27. Train station layout / 28. Fitness program: Walking with your family / 29. Garden construction / 30. Technology museum / 31. Employment service centre / 32. Diamond island / 33. Car rental service / 34. Fashion show and dance show / 35. Hostel conditions / 36. Introduction to a

toronto studio / 37. Introduction to an evening school / 38. Comparing farms / 39. Introduction to the fun city theme park / 40. An introduction to a library / 41. How to write an application / 42. National tree festival / 43. Recommendations for a children's vegetable garden / 44. Introduction to North West Canada's tourist attractions / 45. How to recycle / 46. Sports centre opening ceremony / 47. Mount Rushmore national memorial / 48. Diary of a trip to Australian Islands / 49. History of cave cheese production / 50. Car exhibition / 51. Canon history / 52. How to become a millionaire / 53. Comments about a TV show on a radio station / 54. Participating in activities / 55. Gardens / 56. Working as a tour guide / 57. Introduction to an evening training course / 58. Introduction to museum / 59. Renting a house / 60. Fitness centre and membership card / 61. Going to a resort for the holiday / 62. Tonylic electrical company / 63. Introduction to dance class / 64. The difficulties of farming in canberra / 65. A photographer calls Darrel to talk about his pictures of a red squirrel / 66. The horse riding club / 67. Travelling to New Zealand / 68. Tourist attractions / 69. Living in a foreign country / 70. Fire prevention at home / 71. Conversation about adventure thriller films / 72. New job in the post office / 73. Fashion industry / 74. Sculpture mountain in California / 75. Students looking for work / 76. Dining location recommendation / 77. Part-time job at a travel centre / 78. A part-time job fair on campus / 79. Folk festival / 80. Child training centre

● **ANSWERS & TRANSLATIONS** 198

IELTS LISTENING DICTATION SECTION 3

● **PRACTICES** 222

1. Dialogue between a supervisor and two business research students / 2. Teaching methods / 3. Two students discussing their report / 4. Influence of art and music on patients / 5. Curricular assessment and evaluation / 6. Discussing about the assignment project / 7. Discussion about the presentation / 8. Discussion among students about their universities / 9. Discussion of a television program / 10. Discussion about medicine course / 11. Reliability of witness report / 12. Discussion about rebuilding the city / 13. Discussing soil problems / 14. Methods for language learning / 15. An investigation of SUVs / 16. Introduction to the mini rocket DIY module / 17. Research report writing / 18. Report presentation / 19. Discussion assignment / 20. Discussion about course issues / 21. Two students discuss about picking a major / 22. Presenting a new system called JUST-IN-TIME / 23. Student participation in archaeological activities / 24. Presentation about essay marketing / 25. A discussion between a student and her tutor about her first draft / 26. Content outline / 27. Academic group discussion / 28. Job search discussion / 29. Torero tutorial on African art in Nigeria / 30. New grinding machine / 31. Biology report / 32. Study of obesity in children / 33. Tutorial with a student / 34. Discussion about soil problems / 35. Chemistry versus engineering / 36. Course guide / 37. Discussion of online courses on business planning / 38. Application for Baker Art College / 39. School orientation / 40. Discussing about changing majors / 41. Discussing a dissertation with a professor / 42. How music affects diners in restaurants / 43. Children who become eye witnesses / 44. The impact of art and music on hospital patients / 45. Discussing about four tribes in Africa / 46. Design development presentation / 47. Discussion about the problem with the paper / 48. Inventions of the 21st century / 49. Discussing a presentation / 50. Study of pigeons / 51. Whale observations / 52. Course selection / 53. Management company / 54. Discussions in architecture / 55. Ocean exploration technology / 56. Survey on consumer attitudes and behaviour / 57. Discussion about elective courses / 58. Interview for internship / 59. Football history / 60. Discuss Prof. John Smith's article about online course / 61. Talking about a medical presentation / 62. Discussion about cookery books / 63. The Ancient Hi-Keti Craft of New Zealand / 64. Research on chimpanzees / 65. Bond River Reservoir field investigation / 66. How to successfully rebrand a business / 67. A cooking course discussion with a tutor / 68. Varroa Jacobsoni Debate / 69. Course feedback / evaluation / 70. Investigation

on website design / 71. Moa: An extinct wild bird / 72. Marketing research / 73. Discussing course study details and note-taking / 74. Biology course discussion / 75. Assignment about uncle's house / 76. Students want to teach children / 77. Fiona and Daniel organising a debate / 78. Sick students return to discuss the problems of learning / 79. Paper revision discussion / 80. Editing and referencing methods

● **ANSWERS & TRANSLATIONS** 302

IELTS LISTENING DICTATION SECTION 4

● **PRACTICES** 326

1. Wild crocodile resettlement / 2. The British textile industry / 3. The disappearance of written language / 4. The development of urban immigration / 5. Marine mammal research / 6. Textile design / 7. History of the town market near Sydney / 8. History of Cape Breton mine in Canada / 9. New swimming technology / 10. Assignment on work placement / 11. Underground buildings / 12. Company management / 13. Nanotechnology / 14. Organic farming / 15. Study on behaviour of chimpanzee / 16. Assess the impact of fruit growing on the farm / 17. A survey on children's nutrition plan in New Zealand / 18. Details of AUV (autonomous underwater vehicles) / 19. Textile factory / 20. Food safety / 21. Efficient earth-sheltered homes / 22. Briston supermarket development / 23. Supermarket content comparison / 24. Tumucumaque in the northeast Amazon / 25. Saffron, dyes and spices used for medicinal baths / 26. IT in colleges / 27. Difference between settled nations and nomadic nations / 28. Gastropods / 29. History of Salt / 30. Research on employee absence / 31. Lecture on endangered animals / 32. Supermarket product layout / 33. History of the cocoa powder / 34. Fossil protection / 35. Impact of Bodiam Castle on the roman empire / 36. Moons of Jupiter / 37. Vertical farming / 38. Bridge collapse incidents in 3 countries in the 19th century / 39. The effects of working the night shift on the body / 40. Benefits of physical education / 41. Tire recycling in Australia / 42. British library / 43. Solving the problems of CO₂ emission / 44. Airport Westlandian's role and plan for new location / 45. Development of engineering / 46. Lost written language / 47. Alaska immigration / 48. Dissertation about the newspaper printing process / 49. Difference between males and females in competition / 50. Water bank / 51. History of time measurement / 52. Regulation on staff absence / 53. History of plastic and its applications / 54. Amphibian / 55. Study on red sea urchin / 56. Protection of the bird named fairy tern that is facing extinction / 57. Building a city in the desert / 58. Invasive species / 59. Water supply system in Australia / 60. Biomimicry / 61. Rural life in the thirteenth century / 62. Someone who is good at creating a work of art / 63. Research on human eyesight / 64. Ancient food / 65. A survey on diet and obesity / 66. New research on the combination of television, sports, media and fashion / 67. Lecture about desert crocodiles in Africa / 68. Hospital survey questionnaire / 69. Benefits of playing on children / 70. Student survey on business management / 71. Study of cave animals / 72. How to make a presentation / 73. Characteristics of building classrooms in different countries / 74. Effects of cotton production on the environment and relative fashion trends / 75. Introduction to the hippocampus / 76. American architecture / 77. Discussing about four tribes in Africa / 78. Sports and scientific research / 79. History of the steam ship / 80. Life of a science fiction writer

● **ANSWERS & TRANSLATIONS** 406

IELTS LISTENING DICTATION

SECTION 1

1~20 : ↻ A1-20

21~40 : ↻ A21-40

41~60 : ↻ A41-60

61~80 : ↻ A61-80



Giới thiệu Listening Section 1

Section 1 là phần dễ ăn điểm nhất trong 4 section của bài thi IELTS Listening, vì vậy, thí sinh nên làm tốt phần này để gỡ điểm cho các phần sau. Nội dung bài nghe thường xoay quanh cuộc hội thoại giữa hai người về các tình huống trong cuộc sống hằng ngày, chẳng hạn như trò chuyện qua điện thoại hay hội thoại kinh doanh. Những từ cần điền đều liên quan đến các thông tin cá nhân như tên, tuổi, địa chỉ, nghề nghiệp, thời gian và một số thông tin khác. Chúng đều là những từ vựng phổ biến, có độ khó không cao. Vì đây là phần có nhiều chủ đề quen thuộc, dễ xác định được nội dung cần nghe nên thí sinh có thể đạt điểm tuyệt đối dễ dàng hơn các phần khác.



Phân tích hình thức trình bày:

1. Đặt lịch

Dạng bài nghe phổ biến nhất trong Section 1 là đặt phòng khách sạn hoặc sự kiện, đặt dịch vụ du lịch của công ty lữ hành, hoặc đặt nhà hàng để tổ chức sự kiện. Đó có thể là tình huống đối thoại trực tiếp, cũng có thể là tình huống đặt phòng qua điện thoại, hỏi đáp thông tin của người đặt phòng, các sản phẩm hoặc dịch vụ cụ thể, số người có thể tiếp nhận dịch vụ hay số người tham gia, số giờ sử dụng hoặc thời gian nhận phòng.

2. Đăng ký

Đề bài thường đưa ra các câu hỏi về quá trình tìm hiểu và đăng ký tập gym tại trung tâm thể thao, các khóa học khác nhau của trường học, hội thảo, các sản phẩm bảo hiểm cho công ty hoặc cho gia đình. Thông thường, thí sinh sẽ phải nghe những thông tin cá nhân như tên, số điện thoại và địa chỉ, cùng các chi tiết như đặt chỗ, dịch vụ thành viên, nội dung khóa học, bồi thường sản phẩm theo bảo hiểm,...

3. Đơn đăng ký, khai báo hoặc đặt hàng

Các câu hỏi về việc áp dụng các dịch vụ bảo hành cho hàng hóa bị hư hỏng, dịch vụ gia đình hoặc dịch vụ triển lãm ảnh, đặt mua hàng hóa hoặc dịch vụ của cơ quan tại trung tâm mua sắm, báo cáo về tài sản bị thất lạc, hoặc khiếu nại về dịch vụ, sản phẩm. Đó thường là câu hỏi về các vấn đề liên quan đến thời gian, chẳng hạn như thời gian nhận dịch vụ và thời gian nhận đơn đặt

hàng, biện pháp giải quyết tiếp theo sau khi khai báo một cách cụ thể.

4. Điều tra và tư vấn

Nội dung của dạng bài này thường là những vấn đề về công việc của người tìm việc tại trung tâm giới thiệu việc làm, thắc mắc về nhu cầu tìm nhà ở và thuê nhà, hỏi đáp về một số lớp học, dịch vụ du lịch, các mặt hàng ở trung tâm mua sắm và tham khảo ý kiến bác sĩ tại một cơ sở y tế. Dạng bài này có thể xuất hiện đồng thời những mô tả và giải thích rất chi tiết về những gì người nói đang tìm hiểu, như tiền thuê địa điểm, cấu trúc và quy mô của căn nhà, chi phí và lịch trình du lịch, giá cả và việc vận chuyển hàng hóa khi mua sắm.

5. Hỗ trợ

Câu hỏi trong phần này xoay quanh những vấn đề phát sinh trong việc hỗ trợ công việc cho các nhóm bảo tồn động vật hoang dã, hiệp hội môi trường địa phương, hội sinh viên đại học hoặc các tổ chức cụ thể. Thông thường, đó là những câu hỏi về thông tin cá nhân của người nộp đơn, thời gian rảnh và những việc có thể thực hiện trong khả năng của người đó.

6. Phỏng vấn

Nội dung của phần này thường được thể hiện dưới dạng các câu hỏi đưa ra vấn đề trong quá trình phỏng vấn qua điện thoại của người sử dụng có liên quan đến việc du lịch, sử dụng hàng hóa và dịch vụ. Phần lớn câu hỏi đều xoay quanh tuổi tác, khu vực cư trú, số lần sử dụng dịch vụ, mức độ hài lòng và những điểm cần cải thiện thêm.

1**Extra-curricular activities**

- 1 Most courses start in the, other courses that start in the afternoon.
- 2 The name of the course she takes is food cooking.
- 3 The cooking course starts on the of every month.
- 4 Students are required to bring money for the food that they will need for the cooking class.
- 5 No courses are entitled “Painting”, but there is still the
- 6 Students need to have their own for the painting class.
- 7 The name of the course is and they use this club for training classes.
- 8 It is necessary to spend as little as possible these days or else, you will run out of before the next payday.
- 9 Felipe didn’t seem to anything unusual about her attitude this morning.
- 10 There are no parking spaces at the mall, but you can still park at the on the north side of the building.

2

Renting a house

- 1 A luxurious requires 3834 pounds for a yearly rent, so to sign a contract with this room, you'll need to pay even more.
- 2 Because the campus suite has always been closed over the, even with the paid rent fee, it'll be unavailable.
- 3 There are houses near the campus where the landlords you and happily offer rent.
- 4 It's cheaper to rent outside of the campus because the rates are more for a yearly contract.
- 5 Students can rent apartments.
- 6 Sharing a house is ideal in how you can get a personal space and how there's no need to stress over the rent, and gas bills.
- 7 When sharing a house, you must pay around a 9 pound worth of
- 8 One disadvantage to studios is that you have additional fees to pay.
- 9 The biggest downside to renting a studio is that you have to pay for a
- 10 Shared studios require the renters to submit the names and contact details of

1 Extra-curricular activities

- Hầu hết các khóa học bắt đầu vào buổi sáng, các khóa học khác thì bắt đầu vào buổi chiều.
- Tên khóa học có ấy tham gia là chế biến các món Pháp.
- Khóa học nấu ăn bắt đầu vào thứ Ba đầu tiên của mỗi tháng.
- Học viên được yêu cầu đóng tiền mua nguyên liệu thực phẩm mà họ sẽ cần cho lớp học nấu ăn.
- Không có khóa học nào tên là "Hội họa", nhưng vẫn có lớp học hội họa.
- Học viên cần phải mang cọ vẽ riêng tới lớp học hội họa.
- Tên của khóa học là chơi golf và họ sử dụng câu lạc bộ này cho các lớp huấn luyện.
- Việc chi tiêu ít nhất có thể trong những ngày này là cần thiết, nếu không bạn sẽ hết sạch tiền trước ngày nhận lương tiếp theo.
- Felipe dường như đã không nhận ra điều gì bất thường trong thái độ của cô ấy sáng nay.
- Không có chỗ đỗ xe tại trung tâm thương mại, nhưng bạn vẫn có thể đỗ xe tại trạm xăng ở phía bắc của tòa nhà.

ĐÁP ÁN

- | | |
|-------------------|--------------------|
| 1. morning | 2. French |
| 3. first Tuesday | 4. ingredients |
| 5. painting class | 6. brushes |
| 7. golf | 8. money |
| 9. notice | 10. petrol station |

2 Renting a house

- Một phòng ký túc xá cao cấp cần đến 3834 bảng tiền thuê mỗi năm, vì vậy để ký hợp đồng thuê căn phòng này, bạn thậm chí sẽ cần phải trả nhiều tiền hơn.
- Bởi vì ký túc xá trường luôn đóng cửa vào các dịp lễ, nên ngay cả khi đã trả trước tiền thuê nhà, người thuê cũng không được ở.
- Có những căn nhà gần khuôn viên trường, nơi chủ nhà sẽ chào đón bạn và vui vẻ mời bạn thuê nhà.
- Thuê nhà ngoài khuôn viên trường sẽ rẻ hơn vì giá thuê sẽ linh động hơn đối với hợp đồng thuê theo năm.
- Sinh viên có thể thuê chung căn hộ một phòng ngủ.
- Việc sống chung trong một căn hộ thật lý tưởng khi bạn vừa có thể có một không gian riêng, vừa không cần lo lắng về tiền thuê nhà, hóa đơn điện và gas.
- Khi sống chung nhà, bạn phải trả khoảng 9 bảng hóa đơn nước.
- Một điểm bất lợi với những căn hộ một phòng ngủ là bạn phải trả thêm chi phí đi lại.
- Nhược điểm lớn nhất của việc thuê căn hộ một phòng ngủ là bạn phải trả tiền đặt cọc.
- Những người thuê chung căn hộ một phòng ngủ phải đăng ký tên và thông tin liên lạc của hai người bảo lãnh.

ĐÁP ÁN

- | | |
|------------------|--------------------|
| 1. campus suite | 2. holidays |
| 3. welcome | 4. flexible |
| 5. shared studio | 6. electricity |
| 7. water bill | 8. transportation |
| 9. deposit | 10. two references |

3 Advisory regarding an extracurricular student

- Emma được giáo viên khen ngợi vì đã làm gương tốt cho các học viên khác.
- Thời gian của khóa học cần phải thay đổi do vấn đề liên quan tới sĩ số lớp học.
- Vì mâu thuẫn trong việc sử dụng phòng âm nhạc, nên giờ học đã được thay đổi.
- Theo thời khóa biểu mới, lớp học bắt đầu từ 5 giờ kém 15 và đây là thời gian còn trống duy nhất của phòng học này.
- Khi tôi hỏi về lớp học nhảy sáng nay, người ta bảo tôi sẽ phải đợi theo danh sách chờ.
- Vì lớp học kịch Emma tham gia sẽ kết thúc muộn vào thứ Sáu nên cô ấy không thể tham gia lớp học hát dù rất muốn.
- Mặc dù có tài năng ca hát, Emma vẫn không thể tham gia các lớp học thanh nhạc vì học phí quá đắt.
- Dạy trẻ cách chơi nhạc cụ và viết nhạc đem lại rất nhiều niềm vui.
- Học phí cho khóa học thường là 63 đô-la, nhưng vì có một khoản phí bổ sung là 22 đô-la nên tổng chi phí là 85 đô-la.
- Vì Emma đang gặp một sự cố bất thường, cô ấy chỉ có thể bắt đầu học từ ngày 14 tháng Chín.

ĐÁP ÁN

- | | |
|------------------|-------------------|
| 1. good example | 2. classroom size |
| 3. availability | 4. quarter |
| 5. waiting list | 6. drama class |
| 7. too expensive | 8. write music |
| 9. total cost | 10. circumstance |

4 Fitness centre memberships

- Trung tâm thể hình cung cấp thẻ hội viên gia đình trị giá 285 đô-la cho một gia đình gồm 2 người lớn và 2 trẻ em.
- Phòng tập gym tổ chức một buổi định hướng miễn phí. Họ sẽ cung cấp đồ uống và chỗ đỗ xe miễn phí cho người tham gia.
- Lịch trình và thời gian rảnh của huấn luyện viên sẽ thay đổi từ đầu tháng Chín.
- Cơ sở vật chất tại trung tâm rất tuyệt vời và nó có một hồ bơi với mái che bằng kính.
- Phòng tập gym cung cấp buổi định hướng miễn phí vào tuần thứ hai của mỗi tháng.
- Phòng tập gym đã lắp đặt TV trong tất cả phòng chờ.
- Trung tâm cũng cung cấp các lớp võ thuật, gồm cả lớp judo.
- Ngoài ra, trung tâm còn mở các lớp yoga cho mọi lứa tuổi và các lớp này diễn ra mỗi ngày trong tuần, vào các khung giờ cố định.
- Các lớp yoga và võ thuật được chia theo trình độ và tôi hiện đang học lớp trung cấp của cả hai môn này.
- Cứ ba tháng một lần, một lớp mới sẽ được mở thêm.

ĐÁP ÁN

- | | |
|----------------------|-----------------------|
| 1. family membership | 2. drinks and parking |
| 3. September | 4. excellent |
| 5. orientation | 6. installed TV |
| 7. judo | 8. yoga classes |
| 9. intermediate | 10. A new class |

ĐIỂM KHÁC BIỆT GIỮA TỪ VÙNG ANH-ANH & ANH-MỸ**(1) TUY CÙNG NGHĨA NHƯNG CÁCH PHÁT ÂM VÀ CÁCH VIẾT KHÁC NHAU**

Trong tiếng Anh, một số từ đồng nghĩa có cách dùng tương tự nhau nhưng được đánh vần và phát âm khác nhau. Từ “mẹ” rất quen thuộc với chúng ta, ở Mỹ gọi là “mom”, còn ở Anh gọi là “mum” với cách phát âm lần lượt là /mɒm/ và /mʌm/. Tương tự, từ “dì” được gọi là “aunt” ở Mỹ, còn ở Anh gọi là “auntie”. Ngoài ra, các từ “raise”, “rise” và “increase” đều có nghĩa là tăng lên, nhưng chúng có sự khác biệt về cách viết và phát âm. Vì vậy, khi muốn diễn đạt cụm từ “tăng lương”, bạn sẽ dùng cụm từ “pay raise” ở Mỹ và “pay rise” ở Anh, đồng thời, cách phát âm các từ này cũng sẽ thay đổi. Những từ này có cùng nghĩa, nhưng cách viết và cách phát âm của chúng lại khác nhau. Vì vậy, nếu biết được các từ theo Anh-Mỹ và Anh-Anh, việc giao tiếp sẽ trôi chảy hơn rất nhiều.

Nghĩa tiếng Việt	Anh-Anh	Anh-Mỹ
mẹ	mum	mom
dì	auntie	aunt
nhôm	aluminium	aluminum
môn Toán	maths	math
tăng	rise	raise
nhựa tổng hợp	polythene	polyethylene
khoai chiên lát mỏng	crisps	chips